



## GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH NUÔI BABA Ở HUYỆN GÒ QUAO TỈNH KIÊN GIANG

Nguyễn Quốc Nghi<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 31/03/2013

Ngày chấp nhận: 30/10/2013

### Title:

Resolution to develop raising model for trionychid turtles in Go Quao district, Kien Giang province

### Từ khóa:

Giải pháp, phát triển, baba, nông hộ

### Keywords:

Solution, development, trionychid turtles, farmers

### ABSTRACT

This study aims to analyze the situation and suggest some solutions for raising trionychid turtles in Go Quao District, Kien Giang Province. Data were collected randomly by direct interviews from 36 farmers who raised trionychid turtles. Descriptive statistical method and financial ratio analysis were applied in this study. Results showed that the households could not get benefits from trionychid turtle raising in Go Quao District. However, the farmers did not take their own manpowers into account of total cost, so it might increase their profits. The study also proposed 4 solutions to contribute the development of the raising model for trionychid turtles in Go Quao district, Kien Giang province including technical improvements, financial resource increases, access enhancement to market information and associated organizations, also the establishment of associated production groups and cooperatives.

### TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển mô hình nuôi baba ở huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang. Số liệu của nghiên cứu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 36 nông hộ nuôi baba theo phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên. Phương pháp thống kê mô tả và phân tích các tỷ số tài chính được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tuy mô hình nuôi baba ở huyện Gò Quao không mang lại hiệu quả cho nông hộ nhưng đã góp phần tạo thêm nguồn thu nhập cho nông hộ thông qua phương thức “lấy công làm lời”. Nghiên cứu cũng đã đề xuất 4 giải pháp, bao gồm: nâng cao kỹ thuật nuôi baba, nâng cao nguồn lực tài chính, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin thị trường và tổ chức liên kết, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã góp phần phát triển mô hình nuôi baba ở huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiên Giang là một tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, có nhiều diện tích mặt nước tự nhiên và nhân tạo, với lợi thế đa dạng các vùng sinh thái nên nghề nuôi trồng thủy sản rất phát triển, đặc biệt là nghề nuôi baba, một nghề chỉ mới hình thành từ khoảng 10 năm trở lại đây nhưng lại phát triển rất nhanh. Thời gian gần đây, mô hình

nuôi baba được người dân ở huyện Gò Quao rất quan tâm, nhiều hộ dân đã mạnh dạng đầu tư sản xuất với qui mô lớn, mang lại hiệu quả kinh tế khá cao, đồng thời tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương. Tuy nhiên, những hộ nuôi baba ở huyện Gò Quao cũng gặp không ít khó khăn, thách thức trong quá trình nuôi và tiêu thụ sản phẩm. Theo đánh giá của cán bộ nông nghiệp địa phương,

một số khó khăn chủ yếu trong phát triển mô hình nuôi baba ở địa phương là qui mô nuôi nhỏ lẻ, tự phát, giá cả thành phẩm đầu ra không ổn định, dịch bệnh thường xuyên xảy ra,... Chính vì thế, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu: (1) Phân tích thực trạng nuôi baba của nông hộ, (2) Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi baba, (3) Đề xuất giải pháp phát triển mô hình nuôi baba ở huyện Gò Quao.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Mục tiêu nghiên cứu:** Phân tích thực trạng tình hình nuôi baba của nông hộ, đồng thời nhận định một số thuận lợi và khó khăn của nông hộ khi tham gia mô hình nuôi baba, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần phát triển mô hình nuôi baba ở huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

**Phương pháp thu thập số liệu:** Số liệu sơ cấp của nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên. Cỡ mẫu được chọn để phục vụ cho nghiên cứu là 36 nông hộ tham gia mô hình nuôi baba ở huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Tác giả tiến hành thu thập số liệu sơ cấp thông qua 3 bước: (1) Liên hệ địa điểm điều tra để chọn địa bàn nghiên cứu phù hợp; (2) Tiến hành điều tra thử nông hộ nuôi baba tại một xã điển hình; (3) Thực hiện điều tra chính thức (phỏng vấn trực tiếp) theo cỡ mẫu và các tiêu chí phân tầng (địa bàn, qui mô sản xuất). Số liệu được khảo sát từ tháng 03/2011 đến 04/2011.

**Phương pháp phân tích số liệu:** Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu như số trung bình, tần suất, tỷ lệ để phân tích thực trạng sản xuất baba của nông hộ ở huyện Gò Quao. Bên cạnh đó, các tỷ số tài chính như lợi nhuận/doanh thu (LN/DT), lợi nhuận/chỉ phí (LN/CP), doanh thu/chỉ phí (DT/CP) được tác giả sử dụng để đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi baba. Một số khó khăn và thuận lợi của mô hình nuôi baba được tác giả phân tích dựa trên khảo sát thực tế và nhận định của cán bộ nông nghiệp địa phương.

## 3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1 Thực trạng nuôi baba của nông hộ

**Thông tin về hộ nuôi baba:** Theo khảo sát thực tế, tuổi trung bình của chủ hộ là 44 tuổi, số nhân khẩu trung bình của hộ là 5 người/hộ. Đa số chủ hộ đều có trình độ từ trung học phổ thông trở lên (chiếm 52,3%), tuy nhiên tỷ lệ mù chữ vẫn còn khá cao (chiếm 8,3%), điều này làm hạn chế khả năng nắm bắt và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất

của nông hộ. Kinh nghiệm nuôi baba của nông hộ khoảng 5 năm, trong khi tỷ lệ nông hộ tham gia tập huấn kỹ thuật nuôi baba rất thấp (chiếm 16,7%), điều này khiến cho hộ nuôi baba gặp nhiều khó khăn về kỹ thuật sản xuất. Diện tích nuôi baba trung bình/hộ khoảng 300 m<sup>2</sup>.

**Nguyên nhân tham gia:** Đa số các nông hộ tham gia mô hình nuôi baba vì nông hộ cho rằng baba là loại thủy sản mang lại nhiều lợi nhuận hơn các sản phẩm khác (chiếm 63,89%). Các nguyên nhân tiếp theo dẫn đến nông hộ tham gia mô hình này là do nguồn thức ăn ở địa phương này rất phong phú, thuận lợi cho việc nuôi baba (chiếm 52,78%), vốn đầu tư ban đầu cho việc nuôi baba thấp (chiếm 41,67%), điều kiện tự nhiên khá thuận lợi (33,33%), sản lượng cao (30,56%), hưởng ứng phong trào (27,78%).

**Bảng 1: Nguyên nhân tham gia mô hình nuôi baba của nông hộ**

Lý do chọn nuôi	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Nhiều lợi nhuận	23	63,89
Thức ăn phong phú	19	52,78
Vốn đầu tư thấp	15	41,67
Phù hợp với điều kiện tự nhiên	12	33,33
Sản lượng cao	11	30,56
Hưởng ứng phong trào	10	27,78

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

**Thông tin về nguồn con giống:** Nguồn cung cấp con giống được nhiều nông hộ nuôi baba lựa chọn là trại nuôi baba của người quen (chiếm 52,8%), một số nông hộ (27,8%) chọn mua con giống ở các trại giống baba có uy tín, khoảng 11,1% hộ nuôi baba tự lai tạo con giống. Bên cạnh đó, một số ít nông hộ được người thu mua cung cấp con giống (8,3%), những hộ này sẽ được ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

**Bảng 2: Nguồn cung cấp con giống và thức ăn nuôi baba**

Nguồn con giống	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Trại baba của người quen	19	52,8
Trại giống baba	10	27,8
Tự lai tạo con giống	4	11,1
Người thu mua baba	3	8,3
Nguồn thức ăn tự chế	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Mua của người dân địa phương	28	77,80
Tự đánh bắt	27	75,00
Mua tại vựa thức ăn	15	41,70
Mua tại chợ	9	25,00

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

**Thông tin về nguồn thức ăn:** Theo khảo sát thực tế, nguồn thức ăn tự chế chiếm 82%, còn lại

18% là thức ăn công nghiệp. Loại thức ăn công nghiệp dạng viên rất thuận tiện, với thành phần dinh dưỡng rất toàn diện, đặc biệt hàm lượng đạm rất cao. Tuy nhiên, rất ít nông hộ sử dụng loại thức ăn công nghiệp này vì giá thành rất cao. Đối với nguồn cung cấp thức ăn tự chế, phần lớn hộ nuôi baba mua từ người dân địa phương (chiếm 77,8%) hay tự đánh bắt (75%), đây là hai nguồn thức ăn có chi phí thấp nhất và tươi nhất. Bên cạnh đó, có 41,7% hộ nuôi baba mua thức ăn tại các chợ thức ăn và 25% hộ nuôi baba mua thức ăn tại chợ.

**Thông tin về nguồn vốn:** Theo khảo sát, tỷ lệ nông hộ sử dụng vốn tự có phục vụ cho sản xuất baba khá cao (69,44%), còn lại 30,56% nông hộ có tiếp cận với các nguồn tín dụng để bổ sung cho nguồn vốn đầu tư sản xuất. Trong đó, có 16,67% nông hộ có vay vốn ngân hàng, 13,89% nông hộ vay mượn nguồn vốn từ người thân, bạn bè. Từ đó cho thấy, nhu cầu vốn để đầu tư cho sản xuất baba của nông hộ là khá cao.

**Bảng 3: Hình thức sử dụng vốn để nuôi baba của nông hộ**

Nguồn vốn đầu tư nuôi baba	Số hộ	Tỷ lệ (%)
- Sử dụng vốn tự có	25	69,44
- Sử dụng nguồn vốn vay	11	30,56
Trong đó: + Vay ngân hàng	6	16,67
+ Người thân, bạn bè	5	13,89

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

**Thông tin giá bán thành phẩm:** Đối với việc phân loại baba thương phẩm, nông hộ phân loại theo trọng lượng trên mỗi con. Những con baba đạt từ 1,4 kg/con trở lên được xem là baba loại 1, được mua với giá trung bình khoảng 275.147 đồng/kg. Những con baba có trọng lượng đạt từ 1,2 - 1,39 kg/con được xem là loại 2 với giá trung bình là 201.265 đồng/kg. Baba loại 3 có trọng lượng từ 1 - 1,19 kg/con, giá mua trung bình 140.171 đồng/kg, từ dưới 1 kg/con trở xuống thường được mua với giá trung bình khoảng 89.062 đồng/kg. Các thương lái thường đặt ra các tiêu chuẩn rất cao về phân loại phẩm cấp baba để ép giá người nuôi baba.

**Bảng 4: Thông tin về giá bán baba của nông hộ**

Sân phẩm	Đặc điểm (kg/con)	Giá (đồng/kg)		
		Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình
Loại 1	≥1,40	210.000	320.000	275.147
Loại 2	1,20 -1,39	160.000	248.000	201.265
Loại 3	1,00 -1,19	90.000	196.000	140.171
Khác	≤ 0,9	80.000	120.000	89.062

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

**Tiếp cận thông tin thị trường:** Theo kết quả khảo sát, phần lớn hộ nuôi baba tiếp cận thông tin thị trường thông qua người mua baba (chiếm 58,3%). Nguồn tiếp cận thông tin thị trường thứ hai của nông hộ là thông qua người quen (chiếm 27,8%), chỉ có 13,9% hộ nuôi baba tiếp cận thông tin thị trường thông qua các phương tiện truyền thông như báo, tivi, internet. Điều này cho thấy, người nuôi baba còn rất bị động trong việc tiếp cận thông tin thị trường.

**Bảng 5: Nguồn thông tin tiếp cận thị trường của nông hộ**

Nguồn thông tin	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Người thu mua baba	21	58,30
Người quen	10	27,80
Báo, tivi, Internet	5	13,90

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

**Thông tin về đối tượng thu mua baba:** Đối tượng thu mua baba chủ yếu là người thu gom địa phương (chiếm 52,78%), do mối quan hệ lâu dài và thông thạo địa bàn nên người thu gom được nhiều nông hộ lựa chọn hơn. Đối tượng thu mua baba là thương buôn đường dài chiếm 42,67%, họ là những người khác huyện hoặc ở tỉnh khác đến mua baba rồi chở đi những địa phương khác. Một số ít hộ nuôi baba với qui mô nhỏ thường bán sản phẩm trực tiếp cho người tiêu dùng trong huyện hoặc trong tỉnh (5,55%).

**Bảng 6: Đối tượng thu mua baba chủ yếu**

Đối tượng	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Người thu gom	19	52,78
Thương buôn	15	41,67
Người mua lẻ	2	5,55

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

### 3.2 Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi baba

Theo kết quả tính toán, để tạo ra 1 kg baba thương phẩm thì nông hộ phải đầu tư 184.654,799 đồng, trong đó, chi phí vật chất chiếm 52,166%, chi phí lao động chiếm 46,183% và chi phí khác chiếm 1,651%. Baba là loài thủy sản có thời gian nuôi khá dài, trung bình khoảng 22 tháng/vụ, chính vì thế, công lao động chiếm tỷ lệ khá cao. Trong đó, hầu hết là chi phí lao động gia đình, hộ nuôi baba chỉ sử dụng lao động thuê ở khâu làm ao và thu hoạch. Đối với chi phí vật chất, chi phí thức ăn chiếm tỷ lệ cao nhất (chiếm 40,182%), kế đến là chi phí con giống (chiếm 6,841%), chi phí khấu hao đầu tư ban đầu (3,584), chi phí thuốc thủy sản (1,379%) và chi phí nhiên liệu (0,18%).

**Bảng 7: Các khoản mục chi phí bình quân trên 1 kg baba**

Chi phí	Số tiền (đồng/kg)	Tỷ lệ (%)
<b>1. Chi phí vật chất</b>	<b>96.327,426</b>	<b>52,166</b>
- Khấu hao đầu tư	6.618,770	3,584
- Con giống	12.631,368	6,841
- Thức ăn	74.197,509	40,182
- Nhiên liệu	332,848	0,180
- Thuốc thủy sản	2.546,931	1,379
<b>2. Chi phí lao động</b>	<b>85.278,961</b>	<b>46,183</b>
- Chi phí lao động gia đình	83.402,351	45,167
- Chi phí lao động thuê	1.876,610	1,016
<b>3. Chi phí khác</b>	<b>3.048,412</b>	<b>1,651</b>
<b>Tổng chi phí</b>	<b>184.654,799</b>	<b>100,000</b>

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

Theo kết quả phân tích, với tổng chi phí đầu tư là 184.654,799 thì nông hộ nhận được doanh thu là 197.855,664 đồng/1kg baba, từ đó hộ nuôi baba thu được mức lợi nhuận là 13.200,865 đồng/1kg baba. Với các tỷ số DT/TCP, LN/TCP và LN/DT, nếu so với mức lãi suất ngân hàng tương ứng với

chu kỳ nuôi baba (22 tháng) thì có thể kết luận mô hình nuôi baba không đạt hiệu quả kinh tế. Từ đó cho thấy, các hộ nuôi baba chủ yếu “lấy công làm lời” thông qua việc sử dụng lao động nhân rỗi trong gia đình để tạo thêm thu nhập.

**Bảng 8: Hiệu quả kinh tế trên một kg baba của nông hộ**

Khoản mục	ĐVT	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tổng chi phí (TCP)	Đồng/kg	90.522,876	347.454,545	184.654,799	56.688,658
Doanh thu (DT)	Đồng/kg	80.000,000	320.000,000	197.855,664	46.756,453
Lợi nhuận (LN)	Đồng/kg	-94.272,727	138.969,512	13.200,865	59.301,567
DT/TCP	Lần	0,579	2,251	1,141	0,365
LN/TCP	Lần	-0,421	1,251	0,141	0,365
LN/DT	Lần	-0,727	0,556	0,034	0,315

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

### 3.3 Thuận lợi và khó khăn của nông hộ nuôi baba

**Đối với quá trình sản xuất:** Hộ nuôi baba có nhiều thuận lợi như nguồn thức ăn tự chế dồi dào (chiếm 72,22%), tận dụng được nguồn lao động nhân rỗi trong gia đình (chiếm 63,89%), điều kiện tự nhiên thuận lợi (33,33%), thuốc thủy sản đa dạng (19,44%) và nhiều tiến bộ kỹ thuật mới (5,56%). Ngược lại, một số khó khăn trong quá trình sản xuất mà nông hộ gặp phải như dịch bệnh (69,44%), biến động xấu của môi trường (63,89%), thiếu kỹ thuật nuôi (61,11%) và thiếu vốn đầu tư (38,89%), hay chi phí đầu vào cao (11,11%).

**Đối với quá trình tiêu thụ:** Thuận lợi lớn nhất của hộ nuôi baba khi tiêu thụ sản phẩm là được người mua thanh toán rất nhanh (chiếm 69,44%), kể đến là không tốn chi phí vận chuyển (chiếm 50%), ngoài ra một số hộ cho rằng người mua dễ tính (22,22%) và việc vận chuyển sản phẩm dễ dàng (16,67%). Tuy nhiên khi tiêu thụ sản phẩm, hộ nuôi baba cũng gặp không ít khó khăn như sự biến động của giá (47,22%), kể đến là thiếu thông tin thị trường (38,89%) và người mua độc quyền (38,89%) cũng là những khó khăn mà hộ nuôi baba phải thường xuyên đối mặt. Một số nông hộ thì cho rằng thiếu thông tin về người mua (chiếm 27,78%) và hệ thống giao thông yếu kém (13,89%) cũng là những khó khăn không nhỏ.

**Bảng 9: Thuận lợi và khó khăn của hộ nuôi baba**

Quán trình sản xuất	Tỷ lệ (%)	Quán trình tiêu thụ	Tỷ lệ (%)
<b>1. Thuận lợi</b>		<b>1. Thuận lợi</b>	
Thức ăn tự chế dồi dào	72,22	Thanh toán nhanh	69,44
Nguồn lao động nhân rỗi	63,89	Không tốn chi phí vận chuyển	50,00
Điều kiện tự nhiên	33,33	Người mua dễ tính	22,22
Thuốc thủy sản đa dạng	19,44	Dễ vận chuyển	16,67
Tiến bộ khoa học kỹ thuật	5,56	Nhiều người mua	5,56
<b>2. Khó khăn</b>		<b>2. Khó khăn</b>	
Dịch bệnh	69,44	Biến động của giá bán	47,22
Biến động của môi trường	63,89	Thiếu thông tin thị trường	38,89
Thiếu kỹ thuật	61,11	Người mua độc quyền	38,89
Thiếu vốn đầu tư	38,89	Thiếu thông tin về người mua	27,78
Chi phí đầu vào cao	11,11	Hệ thống giao thông yếu kém	13,89

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, năm 2011

**3.4 Một số giải pháp phát triển mô hình nuôi baba**

**Thứ nhất, nâng cao kỹ thuật nuôi baba cho nông hộ.** Ngành nông nghiệp địa phương cần thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về kỹ thuật nuôi baba cho nông hộ. Tổ chức các chuyên tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm với những hộ nuôi baba đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và hiệu quả kinh tế. Đồng thời, cần xây dựng nhiều mô hình kiểu mẫu, đầu tư từ khâu xây dựng cơ bản đến khâu thu hoạch để nông hộ có thể học hỏi một cách trực quan và áp dụng vào thực tiễn sản xuất một cách hiệu quả. Ngành nông nghiệp địa phương nên chủ động cử cán bộ phụ trách chuyên môn về kỹ thuật, trực tiếp giám sát qui trình nuôi baba tại từng địa bàn để kịp thời hỗ trợ cho người nuôi khi có vấn đề xảy ra, giúp các hộ nuôi baba phòng tránh được nhiều rủi ro trong quá trình nuôi trồng.

**Thứ hai, nâng cao nguồn lực tài chính cho nông hộ.** Chính quyền địa phương và các hội đoàn thể cần có chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho các hộ nuôi baba thuộc nhóm khó khăn về nguồn vốn và hộ có nhiều lao động tham gia sản xuất baba có nhu cầu vay vốn để mở rộng qui mô sản xuất. Phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp cho nông hộ các thông tin về chính sách hỗ trợ tín dụng, qui trình, hồ sơ được xét vay vốn, đồng thời hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và lập kế hoạch sản xuất baba nhằm tăng tính thuyết phục của hồ sơ xin vay vốn đối với các tổ chức tín dụng chính thức. Bên cạnh đó, nông hộ cần nâng cao nhận thức về vai trò của các tổ chức hội đoàn thể địa phương, tích cực tham gia và vận động mọi người cùng tham gia các tổ

chức đoàn thể để trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau cùng làm kinh tế.

**Thứ ba, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin thị trường.** Hộ nuôi baba có thể tiếp cận thông tin thị trường dễ dàng, chính quyền địa phương cần tích cực truyền tải các thông tin thị trường thông qua các kênh truyền thông địa phương. Đồng thời, nâng cấp hệ thống internet cộng đồng để phục vụ cho việc tra cứu thông tin thị trường tốt nhất. Song song đó, hộ nuôi baba cũng cần chủ động, tích cực tìm hiểu thông tin giá cả thành phẩm, nhu cầu thị hiếu tiêu dùng, đối tượng thu mua,... thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm tránh bị người mua ép giá do thiếu thông tin.

**Thứ tư, tổ chức liên kết, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi baba.** Chính quyền địa phương cần hỗ trợ, phát triển các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi baba nhằm phát huy thế mạnh, hỗ trợ khắc phục các hạn chế cho hộ nuôi baba. Việc hình thành, tham gia tổ hợp tác và hợp tác xã sẽ giúp hộ nuôi baba giải quyết được các vấn đề kỹ thuật nuôi (chia sẻ kinh nghiệm giữa các thành viên), vấn đề nguồn vốn (góp vốn hỗ trợ), vấn đề tiêu thụ sản phẩm (hợp đồng bao tiêu) hay vấn đề khả năng tiếp cận thông tin thị trường (chia sẻ thông tin thị trường).

**4 KẾT LUẬN**

Nhìn chung, mô hình nuôi baba ở huyện Gò Quao không mang lại hiệu quả cho nông hộ, nhưng đã góp phần tạo thêm nguồn thu nhập cho nông hộ thông qua phương thức “lấy công làm lời”. Với nhiều khó khăn, thử thách trước mắt, mô hình nuôi

baba rất cần có sự hỗ trợ tích cực từ ngành nông nghiệp địa phương. Đồng thời, mỗi nông hộ nuôi baba cần không ngừng học hỏi, nghiên cứu để tận dụng các thuận lợi và tránh né của rủi ro trong quá trình sản xuất và tiêu thụ. Thông qua nghiên cứu này, tác giả kỳ vọng các cơ quan hữu quan sẽ sử dụng làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng kế hoạch phát triển mô hình nuôi baba ở huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức.
2. Nguyễn Thị Cành (2004), *Phương pháp nghiên cứu và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Quốc Nghi (2011), “*Nhu cầu tín dụng chính thức trong phát triển mô hình nuôi baba của nông hộ ở tỉnh Kiên Giang*”, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, số 65, trang 29-44.
4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Gò Quao (2011), *Báo cáo tổng kết hoạt động nông nghiệp huyện Gò Quao năm 2010-2011*.